

Số: 08/2023/QĐST-KDTM

Cầu Giấy, ngày 26 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 05 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2023/TLST-KDTM ngày 13 tháng 03 năm 2023;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH F

Trụ sở: Số 11, phường S, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ nhận thông báo: Tầng 3 Tòa nhà H, số 4A L, phường L, quận B1, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông K – Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H (Giấy ủy quyền số FVN23-0209/UQ2 ngày 09/02/2023)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Quốc B2, luật sư Nguyễn Thị Khánh L

- Bị đơn: Công ty TNHH R

Địa chỉ: Số 09 ngõ 87 V, phường Đ, quận Cầu Giấy, Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn T – Giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn là Công ty TNHH F và bị đơn là Công ty TNHH R xác nhận:

2.1/ Ngày 25/03/2018, giữa Công ty TNHH F tại Hà Nội và Công ty TNHH R đã ký hợp đồng cung cấp thang máy Fujitec số VNI-H246/FVN-RINKI/CTCC

cho dự án Đầu tư xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp tại phường Kiến An - Hà Đông - Hà Nội với tổng giá trị là: 5.132.600.000 đồng (năm tỷ một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng)

Số tiền Công ty TNHH R đã trả cho Công ty TNHH F số tiền qua các đợt thanh toán là: 4.106.080.000 đồng (theo biên bản thanh lý Hợp đồng số VNI-H246/FVN-RINKI/CTCC/BBTL ngày 25/1/2019).

- Số tiền nợ gốc mà Công ty TNHH R còn nợ Công ty TNHH F theo Hợp đồng đã ký kết nêu trên là: **1.026.520.000 đồng**.

2.2/ Các bên thống nhất thỏa thuận lộ trình thanh toán khoản nợ trên như sau:

a/ Về nợ gốc:

+ Chậm nhất ngày 30/6/2023, Công ty TNHH R phải thanh toán cho Công ty Fujitec Việt Nam số tiền là 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*).

+ Chậm nhất ngày 28/07/2023, Công ty TNHH R phải thanh toán cho Công ty Fujitec Việt Nam số tiền là 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*).

+ Chậm nhất ngày 30/8/2023, Công ty TNHH R phải thanh toán cho Công ty Fujitec Việt Nam số tiền là 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*).

+ Chậm nhất ngày 28/9/2023, Công ty TNHH R phải thanh toán cho Công ty Fujitec Việt Nam số tiền là 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*).

+ Chậm nhất ngày 30/10/2023, Công ty TNHH R phải thanh toán cho Công ty Fujitec Việt Nam số tiền là 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*).

+ Chậm nhất ngày 30/11/2023, Công ty TNHH R phải thanh toán cho Công ty Fujitec Việt Nam số tiền là 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*).

+ Chậm nhất ngày 28/12/2023, Công ty TNHH R phải thanh toán cho Công ty Fujitec Việt Nam số tiền là 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*).

+ Chậm nhất ngày 30/01/2024, Công ty TNHH R phải thanh toán cho Công ty Fujitec Việt Nam số tiền là 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*).

+ Chậm nhất ngày 28/02/2024, Công ty TNHH R phải thanh toán cho Công ty Fujitec Việt Nam số tiền là 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*).

+ Chậm nhất ngày 28/03/2024, Công ty TNHH R phải thanh toán cho Công ty Fujitec Việt Nam số tiền là 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*).

+ Chậm nhất ngày 26/4/2024, Công ty TNHH R phải thanh toán cho Công ty Fujitec Việt Nam số tiền là 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*).

+ Chậm nhất ngày 30/5/2024, Công ty TNHH R phải thanh toán số nợ gốc còn lại cho Công ty Fujitec Việt Nam số tiền là 476.520.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm bảy sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*).

b/ Về nợ lãi và phạt vi phạm hợp đồng:

- Trường hợp Công ty TNHH R thực hiện đúng như thỏa thuận thanh toán nợ gốc nêu trên, Công ty TNHH F sẽ miễn toàn bộ nợ lãi và số tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán.

- Trường hợp Công ty TNHH R vi phạm một trong các kỳ thanh toán nợ gốc theo thỏa thuận như trên, Công ty TNHH R sẽ phải chịu tính lãi và phạt vi phạm hợp đồng như sau:

+ Lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán với lãi suất là 9%/năm tính trên số dư nợ gốc tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho đến khi Công ty TNHH R thanh toán hết nợ cho Công ty TNHH F;

+ Phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán với mức là 8% tính trên số dư nợ gốc tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho đến khi Công ty TNHH R thanh toán hết nợ cho Công ty TNHH F (Theo quy định tại Điều 300 và Điều 301 Luật Thương mại 2005).

- Về phương thức thanh toán: Công ty TNHH R thực hiện chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Chi nhánh Công ty TNHH F tại Hà Nội;

Số tài khoản tại ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thành Công (Vietcombank): 045 100 020 35x; chủ tài khoản: Chi nhánh Công ty TNHH F tại Hà Nội.

- Trường hợp Công ty TNHH R không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thỏa thuận nêu trên, Công ty TNHH F có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền buộc Công ty TNHH R phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc chưa thanh toán, nợ lãi và tiền phạt vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận trên.

2.3. Về án phí:

- Công ty TNHH R phải chịu 10.698.900 đồng (*Mười triệu sáu trăm chín tám nghìn chín trăm đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty TNHH F phải chịu 10.698.900 đồng (*Mười triệu sáu trăm chín tám nghìn chín trăm đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền 30.482.500 đồng (*Ba mươi triệu bốn trăm tám hai nghìn năm trăm đồng*) tạm ứng án phí Công ty TNHH F đã nộp tại biên lai số AA/2020/0019262 ngày 10/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Sau khi đối trừ, Công ty TNHH F được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 19.783.600 đồng (*Mười chín triệu bảy trăm tám ba nghìn sáu trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Cầu Giấy;
- Chi cục THADS Q.Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thu Ngân